

Bản án số: 52/2026/HS-ST

Ngày: 09/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Thiêm; Bà Trần Thị Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nhung – Thư ký TAND khu vực 12 - Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2026/TLST-HS, ngày 01 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1017/2026/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1015/2026/HSST, ngày 25/6/2026, đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 12/6/1998, tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 038098001725; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: **Trần Văn B**, Sinh năm 1971 và bà: **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1976; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm **giam N** (cơ sở 2) Bị cáo có mặt.

2. **Trần Xuân B1**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/02/2003, tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 038203027110; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: **Trần Xuân M**, sinh năm: 1973 và bà **Nguyễn Thị M1**, sinh năm: 1975; Vợ: **Lê Huyền D**, sinh năm 2003, con: 01 con sinh năm 2024 Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm **giam N** (cơ sở 2). Bị cáo có mặt.

3. **Nguyễn Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/9/1998, tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **thôn H, xã C, tỉnh Thanh Hóa**;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 038098006137; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: **Nguyễn Văn T1** (đã chết) Mẹ: Không xác định; Vợ, con: Chưa; Tiền sự, tiền án: không;

Nhân thân: Ngày 27/5/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm **giam N** (cơ sở 2). Bị cáo có mặt.

4. **Hà Văn Đ1**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03/4/2004, tại **xã M, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Thôn C, xã M, tỉnh Thanh Hóa**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 038204000663; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: **Hà Văn Đ1**, sinh năm 1962; Mẹ: **Hà Thị T2**, sinh năm 1981; Vợ, con: Chưa; Tiền sự, tiền án: không;

Nhân thân: Ngày 28/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xử phạt 10 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Hoàng Hóa, **Công an tỉnh T**. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Về Hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của **Trần Văn Đ, **Trần Xuân B1** và hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của **Nguyễn Văn T**.**

Ngày 08/01/2026, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh T** phối hợp với **Công an xã C** tiến hành kiểm tra, xét nghiệm nhanh chất ma túy trong cơ thể đối với **Trần Văn Đ**, sinh năm 1998, trú tại: **thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa** và **Trần Xuân B1**, sinh năm 2003, trú tại: **thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa**. Kết quả: **Trần Văn Đ** và **Trần Xuân B1** dương tính với ma túy tổng hợp (MET). Quá trình làm việc tại Cơ quan Công an, **Đ** và **B1** nhận thức được hành vi của mình là phạm tội nên đã đầu thú, khai nhận nội dung như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, khoảng 20 giờ ngày 07/01/2026, **Trần Văn Đ** sử dụng tài khoản Messenger tên "**Trần Văn Đ**" nhắn tin liên hệ với **Nguyễn Văn T**, sử dụng tài khoản "Tuấn Long" để hỏi mua 05 viên ma túy loại **H** phiên, **T** đồng ý bán với giá 300.000đ. **Đ** đã chuyển khoản từ tài khoản đứng tên **Trần Văn Đ**, đến tài khoản số 0380098006137 đứng tên **Nguyễn Văn T** số tiền 1.300.000 đồng, bao gồm 300.000đ tiền mua ma túy và 1.000.000đ tiền Đông nợ **T** từ trước. Đến khoảng 04 giờ ngày 08/01/2026, **T** gọi điện **M2** cho **Đ** chỉ chỗ để 05 viên ma túy đường vào **nhà nghỉ T6** thuộc **thôn H, xã C, tỉnh Thanh Hóa**. Đông một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS: 36L1-276.46 đến khu vực mà **T** nói để lấy ma túy. Lấy được ma túy, **Đ** đem về nhà lên phòng

ngủ tầng 2 một mình tự sử dụng hết 02 viên, còn 03 viên Đông cất trong túi quần. Khoảng 06 giờ 45 phút, ngày 08/01/2026, **Đ** sử dụng tài khoản Zalo tên "Trânnnn" nhắn tin cho **Trần Xuân B1**, để rủ **B1** cùng sang nhà sử dụng ma túy. Đến khoảng 07h45 phút, cùng ngày, **B1** một mình đi đến và lên phòng ngủ tầng 2 nhà **Đ**. Tại đây **Đ** là người lấy bộ dụng cụ do **Đ** tự chế để sử dụng ma túy, **B1** là người đi mua bột lửa về để sử dụng ma túy. **Đ** lấy 03 viên ma túy **H** phiên đang gói trong giấy bạc ra rồi đặt xuống đệm, **B1** mở gói giấy bạc ra và xé một mẫu giấy bạc đặt ma túy lên giấy bạc. **B1** dùng bột lửa đốt 02 viên ma túy trên giấy bạc nóng chảy tạo thành khói rồi hít vào cơ thể. **B1** là người hút trước sau đó đến **B1** đốt cho **Đ** hút, cả hai thay phiên nhau hút được khoảng 2 lần thì hết. Sau khi sử dụng hết 01 viên đầu tiên, **B1** chuyển khoản từ tài khoản của **B1** số 0989449111 mở tại **ngân hàng M3** đến tài khoản của **Đ** số 030101103941 mở tại **ngân hàng S** số tiền 200.000 đồng, **B1** nói "em chuyển cho anh tiền để em chơi cái này" (ý **B1** là góp tiền để được chơi chung ma túy). Đến viên cuối cùng thì **Đ** và **B1** hút lần lượt, đến lượt người nào thì người đó tự đốt và hút, mỗi người hút được khoảng một lần thì đốt hết viên ma túy. Sau khi sử dụng xong, **Đ** nằm ở phòng ngủ còn **B1** đi về nhà.

Mở rộng điều tra, ngày 09/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập và làm việc với **Nguyễn Văn T**. **Nguyễn Văn T** đã khai nhận toàn bộ hành vi bán trái phép ma túy cho **Trần Văn Đ** đồng thời xin đầu thú và tự nguyện giao nộp 156 viên ma túy Hồng phiên mà **T** đang tàng trữ nhằm mục đích vừa sử dụng vừa bán kiếm lời.

Về Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của **Nguyễn Văn T với **Hà Văn Đ1****

Do có nhu cầu mua ma túy hồng phiên về sử dụng và bán lại để kiếm lời. Khoảng 22h ngày 06/01/2026, **Nguyễn Văn T** gọi điện, nhắn tin **Z** cho **Hà Văn Đ1**, có tên **Z** "Đức gầy" để hỏi mua 01 đàn ma túy hồng phiên. **Đ1** báo giá cho **T** là 7.000.000đ và phải chuyển khoản thanh toán tiền mua ma túy trước. **T** đã chuyển khoản tiền mua ma túy từ tài khoản ngân hàng mang tên **Nguyễn Văn T** đến tài khoản ví Momo của **Hà Văn Đ1**. **T** chuyển làm 2 lần đủ số tiền 7.000.000đ. **Đ1** hẹn **T** nhận ma túy tại đầu cầu **C** nối giữa xã **M** với xã **T** (huyện **M** cũ). Khoảng 23h00' cùng ngày, **T** thuê xe taxi tự lái của lái xe taxi đỗ bên đường gần nhà (**T** không nhớ thông tin, đặc điểm của lái xe taxi). **T** tự lái xe ô tô đi từ xã **C** đến đầu cầu **C** thuộc địa phận bản **C**, xã **M**, tỉnh Thanh Hóa và nhắn tin cho **Đ1** biết đã đến nơi. Một lúc sau **Đ1** đi xe máy một mình đến đầu cầu **C** thuộc địa phận bản **C**, xã **M**, tỉnh Thanh Hóa. Khi thấy **Đ1** đến, **T** xuống xe ô tô đi lại gặp **Đ1**, **Đ1** đưa 01 gói bên trong có các viên ma túy hồng phiên cho **T**. Sau khi nhận được ma túy, **T** lái xe về xã **C** trả xe ô tô và về cất giấu ma túy tại nhà ở của mình tại xã **C**, tỉnh Thanh Hóa với mục đích vừa sử dụng và bán lẻ để kiếm lời. Từ ngày 07/01/2026 đến ngày 08/01/2026, **T** đã sử dụng một mình 01 lần ma túy hồng phiên tại nhà (số lượng sử dụng bao nhiêu **T** không nhớ) và đã bán 05 (năm) viên ma túy hồng phiên cho **Trần Văn Đ**. Số ma túy còn lại, **T** đã tự nguyện giao nộp cơ quan điều tra khi đầu thú.

Nguồn gốc ma túy hồng phiên **Hà Văn Đ1** bán cho **Nguyễn Văn T**, **Đ1** khai báo là sau khi **T** chuyển khoản trước 6.000.000 đồng vào tối ngày 06/01/2026,

Đ1 đã một mình đi đường mòn thuộc **xã M** giáp biên giới Lào (Đức không nhớ khu vực vị trí cụ thể vì trời tối) gặp người đàn ông không quen biết đứng ở bên phải đường khoảng hơn 30 tuổi, cao gầy, tự giới thiệu cũng là con nghiện. **Đ1** đã hỏi mua 01 đàn (200 viên) ma túy hồng phiến, người này bảo có bán ma túy với giá 6.500.000 đồng một đàn (200 viên), **Đ1** đã đưa tiền mặt đủ số tiền này, người đàn ông trên đã đưa lại cho **Đ1** 01 gói nilon màu trắng bên trong có ma túy hồng phiến. Sau đó **Đ1** đi theo đường mòn về nhà và liên lạc với **T** báo cho **T** biết là đã có ma túy để bán.

- Tại bản Kết luận giám định số 513/KL-KTHS ngày 16/01/2026 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận: 156 viên nén là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: **15,856 gam** (Mười lăm phẩy tám trăm năm mươi sáu gam); Có ma túy loại Methamphetamine bám dính trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của **Trần Văn Đ** và **Trần Xuân B1**.

- Tại bản Kết luận giám định số 515/KL-KTHS ngày 16/01/2026 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận:

+ Có ma túy loại Methamphetamine trong nước tiểu của **Trần Văn Đ**, **Trần Xuân B1**, **Nguyễn Văn T**.

- Văn bản sao kê tài khoản Ngân hàng ngày 28/01/2026 của **Ngân hàng M4** đối với số tài khoản 0786179197 của **Nguyễn Văn T** phát hiện các giao dịch chuyển tiền giữa **Nguyễn Văn T** với **Hà Văn Đ1** và **Trần Văn Đ** vào ngày 07/01/2026.

- Văn bản số 38/2026/CV-CNTH ngày 13/02/2026 của **Ngân hàng S1 chi nhánh T7** cung cấp thông tin sao kê số tài khoản 030101103941 của **Trần Văn Đ** phát hiện giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của **Trần Văn Đ** đến tài khoản **Nguyễn Văn T** vào ngày 07/01/2026, số tiền 1.300.000 đồng; tài khoản **Trần Văn Đ** nhận số tiền 200.000 đồng do **Trần Xuân B1** chuyển đến vào ngày 08/01/2026.

- Kết quả kiểm tra điện thoại di động của **Nguyễn Văn T** phát hiện: Lịch sử giao dịch chuyển khoản giữa tài khoản **Ngân hàng M4** của **Nguyễn Văn T** với **Trần Văn Đ** và **Hà Văn Đ1**.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T** đã thu giữ toàn bộ số ma túy của **Nguyễn Văn T** và các công cụ các bị cáo sử dụng hút ma túy; thu giữ điện thoại của **Trần Văn Đ**; **Trần Xuân B1**; **Nguyễn Văn T** và **Hà Văn Đ1**.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKSNDKV12, ngày 29/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa truy tố các bị cáo **Trần Văn Đ**, **Trần Xuân B1** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; các bị cáo **Nguyễn Văn T**; **Hà Văn Đ1** về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị HĐXX:

- Đề nghị tuyên bố bị cáo **Trần Văn Đ** và **Trần Xuân B1** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17

Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Xuân B1** từ 40 đến 43 tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** từ 43 đến 46 tháng tù;

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Hà Văn Đ1** từ 11 đến 12 năm tù.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS; Điều 106 BLTTHS đề nghị xử lý vật chứng như sau:

** Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước các vật chứng là các điện thoại bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, thu giữ của **Trần Văn Đ**.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone Xs Max, màu đen, thu giữ của **Trần Xuân B1**.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu 12 màu đen, thu giữ của **Nguyễn Văn T**.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu TECN0LE7, màu đen, thu giữ của **Hà Văn Đ1**.

** Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại sau giám định vì là vật cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị gồm:*

+ 01 (một) bật lửa gas màu cam, đã qua sử dụng.

+ Toàn bộ bao gói mở niêm phong của túi niêm phong mã số NP01 và 01 (một) chai nhựa màu trắng, trên thân có gắn 01 ống bằng kim loại; 01 (một) tờ giấy màu bạc. Tất cả được đựng trong một túi niêm phong mã số PS2 2004156, được dán kín.

+ Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 146 (một bốn sáu) viên nén màu hồng có tổng khối lượng 14,833g (mười bốn phẩy tám ba ba gam); 01 viên nén màu xanh có tổng khối lượng 0,098g (không phẩy không chín tám gam). Tất cả được đựng trong một túi niêm phong mã số PS3A 073427, được dán kín.

- Trả lại cho bị cáo **Hà Văn Đ1** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C21 màu đen đã qua sử dụng.

Truy thu số tiền 300.000đ từ bị cáo **T** có được do bán ma túy cho **Đ** và số tiền 7.000.000đ **Hà Văn Đ1** có được do bán ma túy cho **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1]. Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 08/01/2026, **Trần Văn Đ**, có hành vi cùng sử dụng trái phép chất ma túy với **Trần Xuân B1** tại nhà của **Đ** ở **thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa**. **Trần Văn Đ** là người rủ **Trần Xuân B1** sử dụng, đồng thời **Đ** là người chuẩn bị dụng cụ, ma túy và địa điểm sử dụng. **Trần Xuân B1** là người chuẩn bị bật lửa là dụng cụ sử dụng, châm cho **Đ** hút lần đầu và góp 200.000 đồng với **Trần Văn Đ2** để cùng sử dụng trái phép chất ma túy.

[2.2]. Đối với **Nguyễn Văn T** và **Hà Văn Đ1**: Đêm ngày 06/01/2026, rạng sáng ngày 07/01/2026, **Hà Văn Đ1** có hành vi bán cho **Nguyễn Văn T** 200 viên ma túy hồng phiến tại đầu **cầu C**, đoạn nối giữa **xã M** với **xã T** thuộc **huyện M cũ, tỉnh Thanh Hóa** với giá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, **T** đã mang về nhà ở **thôn H, xã C, tỉnh Thanh Hóa**, sau đó **T** đã bán cho **Trần Văn Đ** 05 viên hồng phiến giá 300.000 đồng vào ngày 08/01/2026; tự mình sử dụng 01 lần và tàng trữ tại nhà 156 viên ma túy hồng phiến. Kết luận giám định 156 (một trăm năm mươi sáu) viên nén **T** tàng trữ tại nhà là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: **15,856 gam** (*Mười lăm phẩy tám trăm năm mươi sáu gam*) Mục đích **T** tàng trữ trái phép chất ma túy là sử dụng và bán lại kiếm lời; Mục đích bán ma túy của **Hà Văn Đ1** để kiếm lời. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa truy tố các bị cáo với tội danh, điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Về một số tình tiết liên quan đến vụ án:

[2.4]. **Hà Văn Đ1** khai báo nguồn gốc ma túy bán cho **Nguyễn Văn T** là mua của một người đàn ông không biết thông tin họ tên, địa chỉ cụ thể tại đường mòn giáp biên giới với nước Lào thuộc địa phận **xã M**. Theo **Đ1** khai báo người này cũng là con nghiện, khoảng 30 tuổi, dáng người gầy, đeo khẩu trang. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra xác minh, làm rõ để xử lý trong vụ án này, tuy nhiên, đến nay chưa xác định được người đàn ông đã bán ma túy cho **Đ1**. Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan đến người đàn ông nêu trên để tiếp tục xác minh khi có đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài hành vi phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy, **Trần Văn Đ** còn có hành vi một mình sử dụng 02 (hai) viên ma túy loại hồng phiến vào ngày 07/01/2026. **Nguyễn Văn T**, **Hà Văn Đ1** có hành vi một mình sử dụng ma túy loại hồng phiến vào ngày 07/01/2026 và ngày 08/01/2026. **Trần Văn Đ**, **Nguyễn Văn T**, **Hà Văn Đ1** không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a BLHS nên không cấu thành tội phạm Sử dụng trái phép chất ma túy mà thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh **T** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với **Trần Văn Đ**, **Nguyễn Văn T** theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi tổ chức sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Mặt khác, thời gian gần đây tệ nạn ma túy ngày càng phát sinh và phức tạp, đặc biệt là lứa tuổi thanh niên mới lớn. Không chịu lo làm ăn, sớm xa vào con đường tệ nạn, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và sự phát triển của xã hội. Do đó, việc áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc với các bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc từ trước, phân công vai trò vụ thể. Đó đó, đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn.

Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Bị cáo **Trần Văn Đ** là người khởi xướng, rủ bị cáo **B1** cùng sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời **Đ** cũng là người chuẩn bị ma túy, dụng cụ và địa điểm tổ chức sử dụng, Do đó, **Đ** có vai trò cao hơn **B1**.

Đối với bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Hà Văn Đ1**, hai bị cáo cùng phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, nhưng các bị cáo phạm tội độc lập, nên chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã tự nguyện đầu thú. Riêng bị cáo **B1** đã tích cực trong việc đóng góp ủng hộ quỹ Khuyến học cho **trường THCS C** số tiền 5.000.000đ (có xác nhận). Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, tính chất, vai trò phạm tội của các bị cáo, hội đồng xét xử xét thấy, cần lên với các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế do đó khi lên mức hình phạt cần xem xét cho các bị cáo mức hình phạt phù hợp, đảm bảo tính nhân văn và sự khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

Đối với ông **Trần Xuân Mạnh B2** đẻ của **Trần Xuân B1** và là chủ sở hữu xe máy Honda Dream, màu đen, trắng, nâu mang BKS: 36AD-854.00. Quá trình điều tra xác định ông **M** không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của

Trần Xuân B1. nên Cơ quan CSĐT không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Xuân M.

Đối với chị Trần Thị T3 - chị gái của Trần Văn Đ và là chủ sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xám, mang BKS 36L1-276.46. Quá trình điều tra xác định T3 không biết và không liên quan đến việc Đ mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan CSĐT không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Thị T3.

Đối với chiếc xe ô tô Nguyễn Văn T thuê của một người cho thuê taxi đỗ bên đường gần nhà T ở thôn H, xã C, tỉnh Thanh Hóa, quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã áp dụng các biện pháp điều tra xác minh nhưng không làm rõ được người cho thuê và chiếc xe nêu trên hiện đang ở đâu nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với điện thoại thu giữ của bị cáo Đ, B1, Đ1, T là phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu bổ sung ngân sách nhà nước.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C21 của bị cáo Đ1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Toàn bộ số ma túy thu của Nguyễn Văn T đã qua giám định tuyên tịch thu tiêu hủy.

Biện pháp tư pháp khác: Số tiền 300.000đ là tiền bị cáo T bán ma túy cho Đ và số tiền 7.000.000đ Hà Văn Đ1 bán ma túy cho T. Đây là tiền các bị cáo có được từ hành vi phạm tội, nên truy thu bổ sung ngân sách nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo Đ, bị cáo T, bị cáo B1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đ1 là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ; Trần Xuân B1 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Đ 03 năm 07 tháng (Ba năm bảy tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (09/01/2026)

Xử phạt bị cáo Trần Xuân B1 03 năm 04 tháng (Ba năm bốn tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/01/2026).

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T; Hà Văn Đ1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (09/01/2026)

Xử phạt bị cáo **Hà Văn Đ1** 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (24/01/2026).

Về tang vật của vụ án:

Tuyên tịch thu, sung quỹ Nhà nước các vật chứng là các điện thoại bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, số máy: MT6H2LL/A, số sê ri: G6TYCRS6KPHF, bên trong lắp sim điện thoại số 0975.475.920. Thu giữ của **Trần Văn Đ**

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone Xs Max, màu đen, số máy: NT6F2LL/A, số IMEI: 353097105837388, bên trong lắp thẻ Sim số thuê bao 0989.449.111, điện thoại đã qua sử dụng. Thu giữ của **Trần Xuân B1**.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu 12 màu đen, số IMEI: 358758582489291, bên trong lắp sim số 0786179197, điện thoại đã qua sử dụng. Thu giữ của **Nguyễn Văn T**

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu TECN0LE7, màu đen đã qua sử dụng, số IMEI1: 357401691074909; số IMEI 2: 357401691074917 đã qua sử dụng; Thu giữ của **Hà Văn Đ1**

** Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại sau giám định vì là vật cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị gồm:*

+ 01 (một) bật lửa gas màu cam, đã qua sử dụng.

+ Toàn bộ bao gói mở niêm phong của túi niêm phong mã số NP01 và 01 (một) chai nhựa màu trắng, trên thân có gắn 01 (một) ống bằng kim loại; 01 (một) tờ giấy màu bạc. Tất cả được đựng trong một túi niêm phong mã số PS2 2004156, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lê Minh T4**, **Lại Thị Thanh L1**, **Nguyễn Xuân T5** và các hình dấu của **Phòng K Công an tỉnh T**.

+ Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 146 (một bốn sáu) viên nén màu hồng có tổng khối lượng 14,833g (mười bốn phẩy tám ba ba gam); 01 viên nén màu xanh có tổng khối lượng 0,098g (không phẩy không chín tám gam). Tất cả được đựng trong một túi niêm phong mã số PS3A 073427, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lê Minh T4**, **Lại Thị Thanh L1**, **Nguyễn Xuân T5** và các hình dấu của **Phòng K Công an tỉnh T**.

- Trả lại cho bị cáo **Hà Văn Đ1** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C21 màu đen đã qua sử dụng, IMEI 1: 863605050025131; số IMEI 2 863605050025123.

(Các vật chứng trên hiện đang được lưu kho tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2026)

Tuyên truy thu bổ sung ngân sách nhà nước của bị cáo **Nguyễn Văn T** số tiền 300.000đ là tiền bán ma túy cho **Đ**.

Tuyên truy thu bổ sung ngân sách nhà nước của bị cáo **Hà Văn Đ1** số tiền 7.000.000đ là tiền bị cáo bán ma túy cho **T**.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Đ, B1, T phải chịu 200.000đ án phí HSST. Bị cáo Đ1 là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn toàn bộ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị D2